BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2017/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2017*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về Khuyến nông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

a) Xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh, kiểm tra, tổng kết, đánh giá chương trình khuyến nông Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

b) Xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh, kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương trên phạm vi cả nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình khuyến nông Trung ương (viết tắt là chương trình) là chương trình khuyến nông thực hiện trong giai đoạn 05 năm, 10 năm do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là Bộ trưởng) phê duyệt, gồm: tên chương trình; mục tiêu khái quát; các nội dung hoạt động khuyến nông chính; địa bàn triển khai; kết quả dự kiến theo từng lĩnh vực, sản phẩm chủ lực.

2. *Dự án khuyến nông Trung ương* (viết tắt là dự án) là dự án khuyến nông phù hợp với chương trình khuyến nông Trung ương, thời gian thực hiện từ 01 đến 03 năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là Bộ) phê duyệt, gồm: tên dự án; mục tiêu; dự kiến kết quả; địa bàn triển khai và thời gian thực hiện; tên tổ chức được giao chủ trì dự án hoặc áp dụng phương thức đấu thầu để lựa chọn tổ chức chủ trì dự án và kinh phí thực hiện dự án; phạm vi dự án được thực hiện từ 02 tỉnh trở lên, trừ trường hợp đặc thù do Bộ trưởng quyết định.

3. Kế hoạch khuyến nông hàng năm là tập hợp các nội dung hoạt động khuyến nông thực hiện trong năm kế hoạch đã được Bộ phê duyệt.

4. Mô hình trình diễn (viết tắt là mô hình) là một nội dung của dự án khuyến nông được thực hiện nhằm áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, tiến bộ về quản lý, có quy mô phù hợp để làm mẫu nhân ra diện rộng.

5. *Điểm trình diễn* là cụ thể hóa của mô hình được thực hiện tập trung tại một điểm sản xuất với quy mô phù hợp đối với từng dự án.

6. Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên là các nhiệm vụ khuyến nông được thực hiện thường xuyên hàng năm để phục vụ hoạt động chung của hệ thống khuyến nông cả nước và các nhiệm vụ chung của Bộ, ngành (không trùng với các nội dung thuộc các chương trình, dự án khuyến nông đã phê duyệt), gồm các nhóm nhiệm vụ sau:

a) Thông tin tuyên truyền: hội thi, hội chợ, diễn đàn, tọa đàm, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng; bản tin và trang tin điện tử Khuyến nông Việt Nam; xây dựng cơ sở dữ liệu, tài liệu khuyến nông;

b) Đào tạo huấn luyện: tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ khuyến nông các cấp và các đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông; xây dựng học liệu khuyến nông; khảo sát học tập trong và ngoài nước;

c) Hội nghị khuyến nông (cấp vùng, miền, toàn quốc);

d) Hợp tác quốc tế về khuyến nông;

đ) Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động khuyến nông;

e) Quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động khuyến nông.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án

1. Tổ chức chủ trì dự án phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có chức năng, nhiệm vụ khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật hoặc có bộ phận chuyên trách về hoạt động khuyến nông phù hợp với lĩnh vực, sản phẩm của dự án;

b) Trong 2 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ không thuộc một trong các trường hợp sau: đã chủ trì dự án khuyến nông có kết quả nghiệm thu ở mức "không đạt"; giao nộp sản phẩm không đúng hạn mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ; sử dụng kinh phí dự án khuyến nông không đúng mục đích và quy định của pháp luật.

2. Chủ nhiệm dự án phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có trình độ đại học trở lên; có ít nhất 05 năm hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nội dung của dự án; có ít nhất 03 năm hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật;

b) Trong 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ không thuộc một trong các trường hợp sau: chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước, hoặc dự án khuyến nông có kết quả nghiệm thu ở mức "không đạt" hoặc có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, dự án;

c) Mỗi cá nhân chỉ làm chủ nhiệm 01 dự án khuyến nông trong cùng thời gian, trường hợp từ 02 dự án trở lên do Bộ quyết định.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ quyết định lựa chọn cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 4. Chi quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ Tài chính, Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông và theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức chi theo các quy định sau:

a) Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Điều 1, 2 và 3 Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí;

c) Các quy định pháp luật hiện hành khác.

Điều 5. Định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và chuyên gia (nếu cần thiết).

3. Căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông.

Chương II
XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Điều 6. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt chương trình khuyến nông Trung ương

1. Căn cứ chủ trương, định hướng phát triển của ngành và nhu cầu thực tiễn sản xuất, vào thời điểm xây dựng kế hoạch trung hạn 05 năm, 10 năm của Ngành hoặc khi có chỉ đạo đột xuất, Tổng cục, Cục chuyên ngành đề xuất chương trình khuyến nông Trung ương theo từng lĩnh vực, sản phẩm chủ lực (mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, đề xuất chương trình khuyến nông Trung ương, tổ chức lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố và gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường kèm theo báo cáo quá trình xây dựng, lấy ý kiến.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và chuyên gia (nếu cần thiết).

4. Căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hoàn thiện chương trình, trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng đặt hàng một số chương trình khuyến nông Trung ương.

5. Chương trình khuyến nông Trung ương được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

Điều 7. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt danh mục dự án

1. Căn cứ Chương trình khuyến nông đã được phê duyệt và nhu cầu thực tiễn sản xuất, Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 3 của Thông tư này đề xuất dự án và đăng ký chủ trì (mẫu 02 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, xây dựng Danh mục dự án gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trước ngày 30 tháng 5 hàng năm.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và chuyên gia (nếu cần thiết).

4. Căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ xem xét, phê duyệt danh mục dự án trước ngày 31 tháng 8 hàng năm. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng đặt hàng một số dự án khuyến nông Trung ương.

5. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường công bố danh mục dự án trên trang thông tin điện tử của Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

Điều 8. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án giao trực tiếp

1. Xây dựng hồ sơ dự án

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thông báo và hướng dẫn tổ chức chủ trì xây dựng hồ sơ dự án;

b) Hồ sơ dự án gồm: tóm tắt hoạt động của tổ chức chủ trì (mẫu 03 ban hành kèm theo Thông tư này); lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án (mẫu 04 ban hành kèm theo Thông tư này); thuyết minh dự án (mẫu 05 ban hành kèm theo Thông tư này); giấy xác nhận phối hợp thực hiện dự án (mẫu 06 ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản xác nhận triển khai dự án tại địa phương (mẫu 07 ban hành kèm theo Thông tư này); cam kết đóng góp vốn đối ứng (nếu có);

c) Các nội dung hoạt động khuyến nông thực hiện trong dự án bao gồm: xây dựng mô hình; nhân rộng mô hình (đào tạo, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo đầu bờ); quản lý dự án. Nội dung xây dựng mô hình thuộc các dự án do cơ quan Trung ương, doanh nghiệp chủ trì phải có sự tham gia của Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh. Nội dung nhân rộng mô hình do tổ chức chủ trì phối hợp với Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thực hiện;

d) Tổ chức chủ trì dự án xây dựng 01 bộ hồ sơ dự án gửi về Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo. Ngày nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện hoặc dấu đến của văn thư Trung tâm Khuyến nông Quốc gia. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hướng dẫn tổ chức chủ trì dự án gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường 08 bộ hồ sơ hoàn thiện để tổ chức thẩm định hồ sơ dự án.

2. Thẩm định hồ sơ dự án

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành và chuyên gia (nếu cần thiết) tổ chức thẩm định hồ sơ dự án;

b) Tổ chức chủ trì dự án hoàn thiện hồ sơ dự án gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp thẩm định.

3. Phê duyệt dự án

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ phê duyệt dự án trước ngày 31 tháng 10 hàng năm;

b) Căn cứ quyết định phê duyệt của Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phê duyệt thuyết minh dự án.

Điều 9. Đấu thầu dự án khuyến nông

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu thầu dự án. Trình tự, thủ tục đấu thầu dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 10. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Xây dựng Kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

a) Hàng năm, Trung tâm khuyến nông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức đề xuất kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên (mẫu 08 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi về Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trước ngày 31 tháng 7;

b) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, xây dựng kế hoạch khuyến nông thường xuyên và tổ chức lấy ý kiến Tổng cục, Cục chuyên ngành trước ngày 30 tháng 8;

c) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hoàn thiện kế hoạch khuyến nông thường xuyên gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường kèm theo báo cáo quá trình xây dựng, lấy ý kiến trước ngày 30 tháng 9.

2. Thẩm định Kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành có liên quan và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia;

b) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hoàn thiện kế hoạch khuyến nông thường xuyên theo ý kiến thẩm định, gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày họp thẩm định.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính trình Bộ phê duyệt Kế hoạch khuyến nông thường xuyên trước ngày 31 tháng 10.

Chương III
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG THƯỜNG XUYÊN

Điều 11. Thông báo giao nhiệm vụ, ký hợp đồng thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Hàng năm, căn cứ quyết định phê duyệt dự án và kế hoạch phân bổ kinh phí khuyến nông của Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thông báo giao nhiệm vụ cho các tổ chức chủ trì thuộc Bộ và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì).

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia ký hợp đồng với các tổ chức chủ trì dự án không trực thuộc Bộ.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thông báo, hướng dẫn các tổ chức tham gia lập kế hoạch chi tiết và ký hợp đồng để triển khai thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 12. Điều chỉnh Chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Điều chỉnh Chương trình

a) Trong quá trình thực hiện, khi cần điều chỉnh, bổ sung Chương trình, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề xuất, gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức thẩm định và trình Bộ trưởng phê duyệt điều chỉnh.

2. Điều chỉnh dự án

a) Căn cứ đề xuất của Tổ chức chủ trì dự án, Tổng cục, Cục chuyên ngành, kết quả kiểm tra, nghiệm thu hàng năm, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xem xét,

phê duyệt điều chỉnh thay đổi nội dung hàng năm nhưng không thay đổi tổng kinh phí đã được phê duyệt, bao gồm: thời gian, địa điểm trình diễn (trong tỉnh hoặc thành phố), tăng hoặc giảm quy mô về đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền; báo cáo Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) sau 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản điều chỉnh được ban hành;

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét, điều chỉnh về địa điểm mô hình (giữa các tỉnh, thành phố) và quy mô mô hình giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhưng không làm thay đổi mục tiêu, kết quả và tổng kinh phí dự án so với quyết định phê duyệt dự án;

c) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh về mục tiêu, thời gian thực hiện, kết quả, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và tổng kinh phí dự án;

d) Thời gian điều chỉnh hoàn thành trước ngày 30 tháng 11.

3. Điều chỉnh nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, đề xuất điều chỉnh về nội dung, kinh phí, kết quả giữa các nhóm nhiệm vụ quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư này, gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính thẩm định, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh;

b) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia điều chỉnh đối với những nội dung khác không thuộc quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và gửi văn bản điều chỉnh về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính để báo cáo.

Điều 13. Kiểm tra dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Kiểm tra dự án

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề xuất kế hoạch kiểm tra gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ phê duyệt. Tần suất kiểm tra được thực hiện ít nhất một lần cho mỗi dự án trong thời gian thực hiện;

b) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ thành lập đoàn kiểm tra; chủ trì tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch, lập biên bản kiểm tra dự án (Mẫu 09 ban hành kèm theo Thông tư này). Thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính,

Tổng cục, Cục chuyên ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi thực hiện dự án. Trường hợp cần thiết, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì kiểm tra đột xuất việc thực hiện dự án theo quy định;

c) Tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi tiến hành kiểm tra, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thông báo thời gian, địa điểm kiểm tra tới tổ chức chủ trì và các thành viên đoàn kiểm tra. Chủ nhiệm dự án làm báo cáo tiến độ thực hiện gửi về Trung tâm Khuyến nông Quốc gia qua địa chỉ thư điện tử E-mail: khuyennongvn@mard.gov.vn;

d) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, báo cáo Bộ (Qua Vụ khoa học, Công nghệ và Môi trường) kết quả kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần (trước ngày 30 tháng 6 và 25 tháng 12 hàng năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ;

2. Tổ chức chủ trì tự tổ chức kiểm tra dự án và gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ;

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xây dựng, trình Bộ phê duyệt kế hoạch kiểm tra nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về hoạt động khuyến nông; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

Điều 14. Nghiệm thu, công nhận kết quả dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Nghiệm thu dự án hàng năm

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành thành lập tổ nghiệm thu và tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện dự án trước ngày 25 tháng 12;

b) Hồ sơ nghiệm thu gồm: công văn đề nghị nghiệm thu của tổ chức chủ trì; báo cáo kết quả thực hiện dự án hàng năm (mẫu 10 ban hành kèm theo Thông tư này); hợp đồng và biên bản nghiệm thu với các đơn vị phối hợp thực hiện dự án; biên bản kiểm tra, các tài liệu, sản phẩm liên quan (nếu có);

c) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, báo cáo kết quả nghiệm thu dự án hàng năm gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm sau;

d) Kết quả nghiệm thu, kết quả kiểm tra dự án là cơ sở để quyết toán và xây dựng, điều chỉnh kế hoạch năm tiếp theo.

2. Nghiệm thu kết thúc dự án

a) Trước ngày 31 tháng 3 năm sau, Tổ chức chủ trì gửi hồ sơ nghiệm thu kết thúc dự án (01 bản gốc và 08 bản sao) trực tiếp hoặc theo đường bưu điện về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Hồ sơ gồm: công văn đề nghị nghiệm thu của tổ chức chủ trì; báo cáo tổng kết dự án (mẫu 11 ban hành kèm theo Thông tư này); biên bản nghiệm thu dự án hàng năm; biên bản kiểm tra, các tài liệu, sản phẩm liên quan (nếu có);

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ nghiệm thu kết thúc dự án gồm 07 thành viên: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và một số chuyên gia (nếu cần thiết);

c) Tổ nghiệm thu làm việc khi có mặt ít nhất 5/7 thành viên, Tổ nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện dự án theo hai mức "đạt" hoặc "không đạt" (mẫu 13 ban hành kèm theo Thông tư này). Dự án được đề nghị nghiệm thu khi có ít nhất 5/7 thành viên trở lên đánh giá "đạt";

d) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày họp nghiệm thu, tổ chức chủ trì có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu kết thúc dự án gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để trình Bộ công nhận kết quả dự án.

3. Nghiệm thu nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

a) Trước ngày 31 tháng 3 năm sau, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia gửi văn bản và 08 bộ hồ sơ nghiệm thu (01 bản gốc và 07 bản sao) về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

b) Hồ sơ nghiệm thu gồm: báo cáo tổng kết; biên bản nghiệm thu với các đơn vị phối hợp; biên bản kiểm tra, các tài liệu, sản phẩm liên quan (nếu có);

c) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ nghiệm thu nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên gồm 7 thành viên: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành và một số chuyên gia (nếu cần thiết);

d) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày họp nghiệm thu, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để trình Bộ công nhận kết quả thực hiện dự án.

4. Công nhận và xử lý kết quả nghiệm thu

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ phê duyệt quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên hoặc xử lý đối với dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên đánh giá "không đạt", trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

b) Kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên được công bố trên trang thông tin điện tử của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

Điều 15. Quyết toán

1. Căn cứ để xem xét quyết toán là hồ sơ nghiệm thu quy định tại Điều 14 Thông tư này và báo cáo quyết toán kinh phí khuyến nông Trung ương.

2. Hàng năm, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia quyết toán kinh phí thực hiện đối với tổ chức chủ trì dự án không trực thuộc Bộ, đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên theo quy định.

3. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia quyết toán kinh phí khuyến nông Trung ương đối với dự án do tổ chức trực thuộc Bộ chủ trì.

4. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quyết toán kinh phí giao Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên và các dự án do tổ chức ngoài Bộ chủ trì).

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ

1. Trách nhiệm của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

a) Đầu mối quản lý nhà nước về công tác khuyến nông; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng về quản lý nhà nước theo sự phân công;

b) Chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt, điều chỉnh chương trình; phê duyệt, điều chỉnh dự án, nhiệm vụ, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 12 của Thông tư này);

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu việc thực hiện các hoạt động khuyến nông theo quy định;

d) Chủ trì nghiệm thu, trình Bộ công nhận kết quả dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên;

đ) Phối hợp với Vụ Tài chính quyết toán kinh phí khuyến nông Trung ương hàng năm;

e) Chủ trì tổ chức tổng kết, đánh giá chương trình khuyến nông trung ương.

2. Trách nhiệm của Vụ Tài chính

a) Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông Trung ương; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về quản lý nhà nước theo sự phân công;

b) Thẩm định dự toán, trình Bộ phân bổ và quyết toán kinh phí khuyến nông Trung ương theo quy định;

c) Tham gia thẩm định dự án, nhiệm vụ, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông; kiểm tra, nghiệm thu, sơ kết, tổng kết chương trình, dự án khuyến nông.

3. Trách nhiệm của Tổng cục, Cục chuyên ngành

a) Đề xuất danh mục chương trình khuyến nông Trung ương phục vụ mục tiêu phát triển của Bộ, ngành;

b) Tham gia góp ý, thẩm định dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên;

c) Tham gia thẩm định định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông; kiểm tra, nghiệm thu, sơ kết, tổng kết chương trình, dự án khuyến nông.

4. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

a) Chủ trì tổng hợp, xây dựng chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương; điều chỉnh nhiệm vụ, dự án khuyến nông theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 12 của Thông tư này;

b) Chủ trì xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông;

c) Quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương sau khi được Bộ phê duyệt: ký hợp đồng với các tổ chức chủ trì dự án không trực thuộc Bộ, hướng dẫn, kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán và báo cáo kết quả thực hiện;

d) Thông báo kế hoạch thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố để phối hợp theo dõi, quản lý;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra dự án khuyến nông;

e) Phối hợp với tổ chức chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết dự án khuyến nông;

g) Phối hợp với các Tổng cục, Cục chuyên ngành bổ sung, hoàn thiện các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và đề xuất các vấn đề cần nghiên cứu đáp ứng yêu cầu sản xuất;

h) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về nhiệm vụ được giao.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tham gia đề xuất, góp ý chương trình khuyến nông Trung ương; xác nhận đồng ý triển khai dự án tại địa phương.

2. Chỉ đạo Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh, hệ thống khuyến nông địa phương tham gia thực hiện các dự án, nhiệm vụ khuyến nông.

3. Tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương thực hiện tại địa phương.

4. Tham gia tổng kết, đánh giá chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương và có kế hoạch nhân rộng ra sản xuất trên địa bàn.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án và đơn vị tham gia thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương

1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì và đơn vị tham gia thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương

a) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hàng năm (mẫu 12 kèm theo Thông tư này) gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trước khi tổ chức thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương được giao theo đúng quy định; bố trí đủ nhân sự và đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết để triển khai thực hiện;

c) Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu tại cơ sở;

d) Hàng quý, 6 tháng, hàng năm, hoặc đột xuất báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia để tổng hợp báo cáo Bộ;

đ) Quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương;

e) Tổng kết, nghiệm thu kết quả thực hiện và quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Trách nhiệm của chủ nhiệm dự án

a) Chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung của dự án theo Thuyết minh đã được phê duyệt và văn bản điều chỉnh dự án của cấp có thẩm quyền theo quy định; sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp, báo cáo về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm, tình hình sử dụng kinh phí dự án;

c) Chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ trì và Bộ trưởng về kết quả thực hiện dự án.

3. Trong trường hợp dự án, nhiệm vụ bị ảnh hưởng do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh), tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án kịp thời lập biên bản, đánh giá thiệt hại có xác nhận của chính quyền nơi triển khai và báo cáo bằng văn bản về Trung tâm Khuyến nông Quốc gia để báo cáo Bộ xem xét xử lý theo quy định.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Các dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương giai đoạn 2016 - 2018 và 2017 - 2019 đã được phê duyệt, tiếp tục áp dụng theo quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý nhiệm vụ, dự án khuyến nông Trung ương cho đến khi được nghiệm thu kết thúc.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2018.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 49/2015/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý nhiệm vụ và dự án khuyến nông Trung ương.

3. Bãi bỏ Điều 17 của Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

Mẫu 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỔNG CỤC/CỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG
LĨNH VỰC:.....

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Thời gian triển khai *(từ năm... đến năm...)*	Phạm vi thực hiện *(vùng, miền)*	Các dự án khuyến nông *(để thực hiện chương trình)*	Kết quả cần đạt được	Kinh phí dự kiến
1							
2							
3							

....., ngày..... tháng..... năm 20...
THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT VÀ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I. Tổ chức đăng ký: *(Tên, địa chỉ, Fax, điện thoại, Email)*

Đề xuất và đăng ký chủ trì dự án khuyến nông Trung ương:

TT	**Tên dự án**	**Để thực hiện chương trình**	**Mục tiêu của dự án**	**Nội dung hoạt động**	**Địa bàn thực hiện** *(tỉnh, thành phố)*	**Thời gian thực hiện** *(từ năm... đến năm...)*	**Kết quả dự kiến**	**Kinh phí** *(triệu đồng)*	**Tổ chức chủ trì/ chủ nhiệm dự án**
1									
2									
3									

II. Hồ sơ, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm của Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án gửi kèm:

1. Quyết định thành lập, chức năng nhiệm vụ của Tổ chức chủ trì.

2. Tóm tắt hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật của tổ chức đăng ký chủ trì dự án theo mẫu

3. Lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án theo mẫu.

....., ngày..... tháng..... năm 20...
THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG, CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

1. Tên tổ chức:.....
Cơ quan quản lý (chủ quản của tổ chức chủ trì):.....
Họ tên thủ trưởng của Tổ chức chủ trì:.....
Năm thành lập:.....
Địa chỉ.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Chức năng, nhiệm vụ về khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến dự án
.....

3. Số người tham gia Dự án

TT	**Trình độ**	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

4. Kinh nghiệm, thành tựu trong hoạt động khuyến nông, chuyển giao TBKT trong 5 năm gần nhất liên quan dự án *(nêu tên, kết quả các nhiệm vụ, dự án khuyến nông, chuyển giao TBKT vào sản xuất đã được nghiệm thu, áp dụng vào sản xuất; các nhiệm vụ, dự án đang triển khai có liên quan đến dự khuyến nông án đăng ký chủ trì...)*
.....

5. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến dự án:
- Nhà xưởng:.....
- Trang thiết bị chủ yếu:.....

6. Khả năng huy động các nguồn lực cho việc thực hiện dự án
.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CHỦ NHIỆM DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

1. Họ và tên:	
2. Năm sinh:	**3.** Nam/Nữ:
4. Học hàm: Học vị:	Năm được phong học hàm: Năm đạt học vị:
5. Chức danh:	Chức vụ:
6. Địa chỉ nhà riêng:	
7. Điện thoại: CQ: NR: Mobile: **8.** Fax:	E-mail:
9. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Dự án: Tên Cơ quan: Họ tên Thủ trưởng cơ quan: Địa chỉ Cơ quan: Điện thoại: Fax: Email:	

10. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

11. Quá trình công tác

Thời gian (*Từ năm..... đến năm.....*)	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Địa chỉ cơ quan

12. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn
(liên quan đến nội dung dự án thực hiện - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (*bắt đầu - kết thúc*)
1			
2			

13. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, chuyển giao TBKT đã và đang chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực dự án thực hiện - nếu có)

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng thực hiện* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

14. Thành tựu hoạt động khuyến nông, chuyển giao TBKT và sản xuất kinh doanh khác (liên quan đến dự án, nếu có)		
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(*Xác nhận và đóng dấu*)
Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà..... làm chủ nhiệm Dự án khuyến nông Trung ương

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
(Họ tên và chữ ký)

Mẫu 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

THUYẾT MINH DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	**Tên dự án:**
2	**Thời gian thực hiện:**..... **năm** (Từ năm 20... đến năm 20.....
3	**Địa điểm thực hiện:** *(nêu các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dự kiến triển khai dự án)*
4	**Kinh phí**..... **triệu đồng, trong đó:**
	- Từ nguồn NSNN:..... triệu đồng - Từ nguồn đối ứng:..... triệu đồng - Từ nguồn khác:..... triệu đồng
5	**Lĩnh vực chuyên ngành** ☐ Trồng trọt; ☐ Chăn nuôi; ☐ Thủy sản; ☐ Lâm nghiệp; ☐ Khuyến công; ☐ Khác:.....
6	**Chủ nhiệm dự án**

Họ và tên:.....

Năm sinh:..... Giới tính: Nam/Nữ

Số CMTND/hộ chiếu..... Cơ quan cấp..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Học hàm, học vị:..... .....

Chức vụ:.....

Địa chỉ nơi cư trú:.....

Điện thoại: CQ:..... NR:..... Di động:.....

Fax:..... E-mail:.....

Quá trình công tác, kinh nghiệm của Chủ nhiệm dự án trong hoạt động khuyến nông hoặc hoạt động chuyển giao TBKT trong 5 năm trở lại đây (*tóm tắt trong ½ trang*):

7	**Tổ chức chủ trì dự án** Tên tổ chức chủ trì dự án:..... Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:..... Website:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng cơ quan:..... Số tài khoản:..... Ngân hàng/Kho bạc:..... Năng lực và thành tựu của Tổ chức chủ trì dự án trong hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: (*tóm tắt trong ½ trang*):

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

8	**Tính cấp thiết, cơ sở, căn cứ xây dựng dự án** *(Nêu tóm tắt không quá 03 trang)*
8.1	Hiện trạng, chủ trương, chính sách và nhu cầu của sản xuất
8.2	Tiến bộ khoa học công nghệ, tiến bộ về quản lý dự kiến áp dụng *(nguồn gốc, xuất xứ, mức độ công nhận, chủ trương của Bộ, địa phương áp dụng vào sản xuất...)*
8.3	Căn cứ pháp lý xây dựng dự án *(văn bản pháp luật liên quan, định mức KTKT, quyết định phê duyệt danh mục dự án đặt hàng...)*
9	**Mục tiêu của dự án** (*Bám sát và cụ thể hóa theo mục tiêu đặt hàng)*
9.1	***Mục tiêu tổng quát:***
9.2	***Mục tiêu cụ thể:***
10	**Nội dung dự án**
1	**Xây dựng mô hình trình diễn:** - Số mô hình (tỉnh, thành phố), số điểm theo mô hình (xã, phường), quy mô mô hình, điểm trình diễn (diện tích, số đầu con...), số hộ tham gia... - Loại giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản và vật tư, thiết bị dự kiến áp dụng tại mô hình (nguồn gốc, xuất xứ, số lượng, yêu cầu chất lượng...). - Tiến bộ về tổ chức quản lý sản xuất dự kiến áp dụng tại mô hình (liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm...) - Kết quả dự kiến tại các mô hình, điểm trình diễn. - Chi tiết quy trình kỹ thuật và biện pháp tổ chức quản lý sản xuất áp dụng trong mô hình (có thể xây dựng thành các phụ lục kèm theo).

2	**Đào tạo, tập huấn**: - Nêu rõ số lượng, số lần, số lớp tập huấn cho các đối tượng nông dân tham gia thực hiện mô hình; cho các đối tượng nông dân khác ngoài mô hình để nhân rộng mô hình; nêu rõ kết quả dự kiến đạt được.
3	**Thông tin tuyên truyền:** - Nêu rõ số Hội nghị tổng kết, hội nghị tham quan đầu bờ, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, hoạt động tuyên truyền khác *(truyền hình, đài, báo, tạp chí, tài liệu, ấn phẩm, pano,...)* - Kết quả dự kiến đạt được...
4	**Quản lý dự án** - Kiểm tra, nghiệm thu, hoạt động khác...
11	**Phương pháp triển khai dự án**

11.1. Phương pháp tổ chức thực hiện:

Việc phối hợp với Sở NN&PTNT, chính quyền, tổ chức khuyến nông địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân khác và các hộ dân để triển khai dự án...

11.2. Phương pháp triển khai dự án *(Nêu cụ thể cho từng hoạt động):*

- Chọn điểm, chọn hộ (nêu các tiêu chí cụ thể, phù hợp để thực hiện mô hình)
- Cung cấp giống và vật tư (chủng loại, yêu cầu chất lượng, phương thức cung ứng,...)
- Đào tạo, tập huấn (thời gian, nội dung, phương pháp và yêu cầu học viên, giảng viên...)
- Thông tin tuyên truyền (đối tượng, cách thức, sự liên kết phối hợp...)
- Quản lý, kiểm tra, giám sát...

12	**Tổng hợp nội dung, tiến độ, kinh phí thực hiện theo từng năm**					
TT	**Nội dung**	**Quy mô**	**Địa điểm**	**Thời gian** (bắt đầu, kết thúc)	**Tổ chức, cá nhân, thực hiện**	**Dự kiến kinh phí (tr.đ)**
1	**Năm thứ nhất**					
1.1	***Xây dựng mô hình***					
	- Công việc 1					
	- Công việc 2					
1.2	***Đào tạo tập huấn***					
	- Công việc 1					
	- Công việc 2					
1.3	***Thông tin, tuyên truyền***					
	- Công việc 1					
	- Công việc 2					
1.4	***Quản lý dự án***					
	- Công việc 1					
	- Công việc 2					

2	**Năm thứ 2**					
	...					
3	**Năm thứ 3**					
	...					
13	**Tổng hợp nội dung, kinh phí thực hiện dự án theo địa phương**					
	Năm 20...					

TT	**NỘI DUNG DỰ ÁN**	**Tỉnh/thành phố**				**CỘNG**
		A	**B**	**C**	**....**	
I	**Xây dựng mô hình**					
1	**Mô hình**					
	Quy mô mô hình *(ha, con vật nuôi.....)*					
	Số điểm trình diễn *(cấp xã/phường)*					
	Kinh phí hỗ trợ vật tư *(triệu đồng)*					
2	**Tập huấn trong mô hình**					
	Số lớp					
	Số người					
	Kinh phí *(triệu đồng)*					
3	**Tổng kết mô hình**					
	Số hội nghị					
	Số người					
	Kinh phí *(triệu đồng)*					
4	**Cán bộ chỉ đạo**					
	Số người					
	Kinh phí *(triệu đồng)*					
II	**Đào tạo, tập huấn nhân rộng mô hình**					
	Số lớp					
	Số người					
	Kinh phí *(triệu đồng)*					
III	**Thông tin, tuyên truyền**					
	Số hội nghị thăm quan mô hình					
	Số hội nghị, hội thảo vùng/miền					
	Kinh phí *(triệu đồng)*					
IV	**Quản lý dự án** *(triệu đồng)*					
	TỔNG KINH PHÍ *(triệu đồng)*					

III. KẾT QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

14	Kết quả/sản phẩm của dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt			
Số TT	**Chỉ tiêu/nội dung**	**Số lượng**	**Chất lượng**	**Ghi chú**
1				
2				
...				
15	**Tác động và lợi ích mang lại của dự án**			
15.1. Đối với sản xuất *(Nêu dự kiến những tác động của dự án đối với sản xuất, người nông dân)* ***15.2. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường*** *(Nêu dự kiến những tác động của dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)*				

IV. CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THAM GIA DỰ ÁN

16	Các tổ chức chủ trì/phối hợp thực hiện Dự án				
	Tên tổ chức	**Địa chỉ**	**Nhiệm vụ được giao thực hiện trong dự án**	**Địa điểm triển khai**	**Kinh phí** (tr. đ)
1					
2					
...					

17	**Cá nhân thực hiện dự án** (Ghi các cá nhân thực hiện chính, tối đa 10 người)		
	Họ và tên	**Cơ quan công tác**	**Thời gian làm việc cho dự án** *(Số tháng quy đổi)*
1			
2			
...			

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN *Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Kinh phí cho từng nội dung			
			Xây dựng mô hình	Đào tạo tập huấn	Thông tin tuyên truyền	Quản lý dự án
	Tổng kinh phí					
	Trong đó:					
1	**Nguồn vốn NSNN**					
	- Năm thứ nhất:					
	- Năm thứ hai:					
	- Năm thứ ba:					
2	**Nguồn vốn đối ứng**					
	- Năm thứ nhất:					
	- Năm thứ hai:					
	- Năm thứ ba:					

3	**Nguồn vốn khác**					
	- Năm thứ nhất:					
	- Năm thứ hai:					
	- Năm thứ ba:					

Tổng hợp phân bổ nội dung, kinh phí các đơn vị tham gia:

TT	Tên đơn vị/tổ chức thực hiện	Quy mô	Tổng KP (tr.đ)	Trong đó				Ghi chú
				XDMH	ĐTTH	TTTT	QL	
1	TT KN tỉnh							
2	TT KN tỉnh							
Tổng cộng								

(có tổng hợp dự toán kinh phí dự án kèm theo)

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên, chữ ký)

Thủ trưởng
Tổ chức chủ trì dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
(Họ tên, chữ ký)

Vụ Tài chính
(Họ tên, chữ ký)

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

MẪU BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG

(Giải trình kèm theo Thuyết minh dự án)

I. XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng cộng	Kinh phí hỗ trợ từ NSNN						Kinh phí đối ứng	Nguồn khác	Ghi chú
							Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba				
							Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Giống[1]														
2	Vật tư thiết yếu[1]														
3	Công cán bộ chỉ đạo														
4	Tập huấn														
5	Tổng kết mô hình														
	Tổng cộng														

[1] Căn cứ vào báo giá tại thời điểm lập dự toán hoặc thông báo giá của cơ quan có thẩm quyền

II. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng cộng	Kinh phí hỗ trợ từ NSNN						Kinh phí đối ứng	Nguồn khác	Ghi chú
							Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba				
							Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Thuê Hội trường, trang thiết bị														
2	In ấn tài liệu														
3	Giảng viên hướng dẫn														
	Bồi dưỡng														
	Đi lại														
	Tiền ở														
	...														
4	Học viên														Lưu ý theo đối tượng
	Đi lại														
	Tiền ăn														
	Tiền ở														
	Tài liệu														
5	Nước uống														
6	Văn phòng phẩm														
7	Vật tư thực hành														
8	Chi khác: *Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế...*														
	Tổng cộng:														

III. THÔNGTIN, TUYÊN TRUYỀN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng cộng	Kinh phí hỗ trợ từ NSNN						Kinh phí đối ứng	Nguồn khác	Ghi chú
							Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba				
							Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Thông tin														
2	Quảng cáo														
3	Hội thảo đầu bờ														
4	Hội thảo vùng miền														
5	Tuyên truyền (báo đài...)														
	Tổng cộng														

IV. QUẢN LÝ DỰ ÁN (1.000 đồng):

V. TỔNG CỘNG (I + II + III + IV):

(Số tiền viết bằng chữ:.....)

Chủ nhiệm Dự án	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng Tổ chức chủ trì**
(Họ tên, chữ ký)	*(Họ tên, chữ ký)*	*(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

Ghi chú: *Kèm theo biểu tổng hợp dự toán là các biểu dự toán chi tiết theo địa điểm, địa bàn, mô hình thực hiện với tỷ lệ hỗ trợ của NSNN khác nhau*

Mẫu 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
PHỐI HỢP THỰC HIỆN DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Kính gửi: **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tên Dự án và tổ chức chủ trì:

- Tên dự án:
- Tổ chức chủ trì:

2. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án:

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Dự án
- Địa chỉ:
- Điện thoại:

3. Nội dung công việc đăng ký phối hợp thực hiện:

.....

.....

.....

(Nội dung công việc chi tiết và kinh phí thực hiện đã được thể hiện trong hồ sơ Dự án đăng ký gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Khi Dự án được phê duyệt, đơn vị cam kết phối hợp với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án thực hiện dự án theo mục tiêu, nội dung và sản phẩm đặt hàng của Bộ.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN	**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN**
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)	*(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

Mẫu 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÁC NHẬN TRIỂN KHAI DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi: **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tên dự án và tổ chức chủ trì dự án:

- Tên dự án:
- Tên tổ chức chủ trì dự án:

2. Ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT:

Sở Nông nghiệp và PTNT..... *(tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)* xác nhận đồng ý với đề xuất của..... *(Tổ chức chủ trì)* triển khai dự án khuyến nông Trung ương:..... *(tên dự án)* trên địa bàn của..... *(tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)* trong thời gian..... *(năm)*.

Sau khi dự án được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ phối hợp với..... *(Tổ chức chủ trì)* xây dựng kế hoạch và triển khai dự án trên địa bàn; phối hợp với Bộ kiểm tra, đánh giá dự án theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT.....	**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN**
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)	*(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

Mẫu 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG THƯỜNG XUYÊN NĂM.....

Kính gửi: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Căn cứ nhu cầu hoạt động khuyến nông và sản xuất nông nghiệp,..... *(đơn vị)* đề xuất kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên năm....:

1. Yêu cầu, sự cần thiết:

.....

.....

2. Đề xuất nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên:

TT	Tên nhiệm vụ khuyến nông	Nội dung	Quy mô	Kết quả dự kiến	Kinh phí *(triệu đồng)*
1					
2					
3					

....., ngày..... tháng..... năm 20...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN
KIỂM TRA DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN NĂM.....

I. Thông tin chung

1. Tên dự án:
2. Cơ quan chủ trì dự án:
3. Cá nhân chủ nhiệm dự án:
4. Thời gian, địa điểm kiểm tra:

- Ngày, tháng kiểm tra:
- Địa điểm kiểm tra:

II. Thành phần Đoàn kiểm tra: *(theo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra số...../QĐ-BNN..., ngày..... tháng..... năm 20... của Bộ Nông nghiệp và PTNT).*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ trong đoàn
1				
2				
...				

III. Kết quả kiểm tra:

A. Kiểm tra hồ sơ:

Căn cứ hồ sơ và báo cáo của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, đánh giá tiến độ, nội dung, quy mô, khối lượng, chất lượng thực hiện các dự án khuyến nông trung ương, tình hình quản lý và sử dụng kinh phí khuyến nông Trung ương tại thời điểm kiểm tra.

1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án
2. Báo cáo đánh giá dự án tại mô hình kiểm tra
3. Hồ sơ, chứng từ liên quan tại mô hình kiểm tra

TT	**Nội dung đánh giá** *(thống kê từ các phiếu đánh giá của thành viên đoàn kiểm tra)*	Đạt	Không đạt	Ghi chú
I	**Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án**			

II	**Báo cáo đánh giá dự án tại mô hình kiểm tra**			
III	**Hồ sơ, chứng từ liên quan tại mô hình kiểm tra**	**Đầy đủ**	**Chưa đầy đủ**	**Ghi chú**
1	Đơn xin tham gia (cam kết) xây dựng mô hình của các hộ nông dân			
2	Danh sách các hộ dân tham gia mô hình *(có xác nhận địa phương)*			
3	Biên bản chọn hộ tham gia mô hình *(có xác nhận của địa phương)*			
4	Hợp đồng/Thanh lý HĐ *(nếu đã kết thúc)* của Tổ chức chủ trì/cá nhân chủ nhiệm đối với:			
	Đơn vị thực hiện dự án nhánh			
	Tổ chức/Cá nhân thực hiện chỉ đạo kỹ thuật			
	Tổ chức/Cá nhân thực hiện tập huấn, đào tạo			
5	Hợp đồng/Thanh lý hợp đồng/Chứng từ liên quan			
	Giống			
	Vật tư/hóa chất			
	Máy móc/thiết bị			
	Hội trường phục vụ tập huấn, đào tạo, hội nghị			
6	Chứng nhận kiểm dịch giống cây/con nếu có			
7	Danh sách nhận giống, vật tư và vật tư đối ứng *(có xác nhận của địa phương)*			
8	Danh sách người thực hiện mô hình được tập huấn			
9	Danh sách người ngoài mô hình được đào tạo			
10	Danh sách người tham gia thăm quan mô hình			
11	Danh sách người tham gia hội nghị tổng kết			
12	Thông tin tuyên truyền			
13	Cán bộ chỉ đạo			

***Ghi chú*:**

- Báo cáo:

a/ Đạt (đầy đủ thông tin, nhận xét đánh giá, kiến nghị cụ thể rõ ràng)

b/ Chưa đạt (không đầy đủ thông tin, không cụ thể)

- Hồ sơ:

a/ Đầy đủ:

+ Hợp đồng/thanh lý *đủ thông tin, cụ thể đối tượng, trách nhiệm rõ ràng, phù hợp*

+ Biên bản tiêu chí chọn, thời gian, địa điểm họp, địa phương tham gia
+ Danh sách (danh sách hộ, địa chỉ, số lượng vật tư và ký nhận, thời gian, người cấp)
b/ Chưa đầy đủ: (không cụ thể, không đủ thông tin)

B. Kiểm tra thực địa:

Căn cứ vào thông tin dự án do đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án cung cấp, trưởng đoàn kiểm tra lựa chọn một số địa bàn triển khai đại diện để kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện dự án trên thực địa.

1. Địa điểm kiểm tra (thôn/xóm, xã, huyện, tỉnh):.....

2. Số chủ hộ kiểm tra, quy mô, số lượng, mức hỗ trợ của nhà nước *(tổng hợp theo phiếu của thành viên đoàn kiểm tra)*

TT	Họ và tên hộ/nhóm hộ	Quy mô	Nhận hỗ trợ giống	Nhận hỗ trợ vật tư *(TĂ, phân bón, hóa chất...)*	Đã được THKT (ngày)	Thăm quan/ HN	Ghi chú
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)
1							
2							
...							

IV. Đánh giá về mức độ hoàn thành của Dự án so với Thuyết minh được duyệt *(số lượng/chất lượng các nội dung hoạt động, sản phẩm của dự án)*:

TT	Chỉ tiêu đánh giá (tại mô hình/tỉnh)	ĐVT	Theo thuyết minh DA	Kết quả thực hiện	Đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**Đánh giá khối lượng thực hiện**				
1	Số điểm triển khai mô hình				
2	Tổng quy mô hình				
3	Tập huấn, đào tạo				
4	Trong mô hình: Số người/số lớp Ngoài mô hình: Số người/số lớp				
5	Thông tin tuyên truyền				
6	Số người tham dự/số hội nghị				
7	Tin bài/phóng sự/Tờ rơi				
II	**Đánh giá chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật** *(năng suất, chất lượng, hiệu quả...)*				
1	Năng suất mô hình				
2	Chất lượng sản phẩm				
3	Hiệu quả kinh tế mô hình				

TT	Chỉ tiêu đánh giá (tại mô hình/tỉnh)	ĐVT	Theo thuyết minh DA	Kết quả thực hiện	Đánh giá
4	Tập huấn, đào tạo				
5	Khả năng nhân rộng mô hình				
III	**Kinh phí**				
1	Xây dựng mô hình				
2	Đào tạo, tập huấn				
3	Thông tin tuyên truyền				
4	Chi khác (quản lý...)				

V. Đánh giá chung về kết quả triển khai thực hiện Dự án tại thời điểm kiểm tra *(trên cơ sở thống kê từ các phiếu đánh giá của thành viên đoàn kiểm tra)***:**

TT	Nội dung	Đạt	Chưa đạt	Nhận xét
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chọn hộ, chọn điểm triển khai mô hình			
2	Chất lượng giống, vật tư hỗ trợ mô hình			
3	Phối hợp của đơn vị/cá nhân chủ trì và đơn vị/cá nhân triển khai			
4	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật/tham gia tập huấn			
5	Thông tin, báo cáo của tổ chức chủ trì/chủ nhiệm dự án			
6	Quản lý và sử dụng kinh phí			
7	Hiệu quả kinh tế			
8	Hiệu quả xã hội			
9	Hiệu quả môi trường			
10	Khả năng nhân rộng			

VI. Kết luận chung của Đoàn kiểm tra:

Đánh giá chung về tình tình thực hiện dự án tại thời điểm kiểm tra (căn cứ vào thuyết minh dự án và nội dung nhận xét trên đây)

.....

VII. Những kiến nghị đề xuất:

.....

Biên bản kiểm tra được đọc, các thành viên Đoàn kiểm tra (có mặt) và đại điện các bên liên quan nhất trí thông qua. Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản, đơn vị chủ trì dự án giữ 01 bản, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA ĐOÀN KIỂM TRA

Tổng cục/Cục chuyên ngành *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Vụ Khoa học Công nghệ và MT** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Vụ Tài chính** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Sở Nông nghiệp và PTNT** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Trung tâm KN Quốc gia** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Chủ nhiệm dự án *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Tổ chức chủ trì dự án** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Đại diện chủ hộ *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đại diện chính quyền địa phương** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ý kiến của các thành viên trong Đoàn kiểm tra và giải trình, kiến nghị của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm và các cá nhân tham gia thực hiện dự án

.....

.....

Mẫu 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Cơ quan chủ quản
Cơ quan chủ trì dự án

BÁO CÁO KẾT QUẢ
DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG NĂM.....

Tên dự án:

Cơ quan chủ quản dự án:

Tổ chức chủ trì dự án:

Chủ nhiệm dự án:

Thời gian thực hiện:

..../201...

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nêu những đặc điểm, thuận lợi, khó khăn khi thực hiện dự án.

II. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

2.1. Mục tiêu tổng quát:

2.2. Mục tiêu cụ thể năm...:

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI

(Trình bày các nội dung hoạt động, quy mô, TBKT, công nghệ chuyển giao, phương pháp tổ chức thực hiện theo thuyết minh dự án và kế hoạch triển khai đã được phê duyệt).

3.1. Xây dựng mô hình trình diễn:

(Cần chi tiết phương pháp chọn điểm, chọn hộ, yêu cầu kỹ thuật giống, thiết bị, vật tư đưa vào dự án.)

3.2. Đào tạo, tập huấn

3.3. Thông tin tuyên truyền

3.4. Kiểm tra, giám sát đánh giá

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

(Trình bày các kết quả theo từng nội dung hoạt động, có các bảng biểu minh họa và đánh giá, nhận xét kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra).

4.1. Xây dựng mô hình trình diễn:

4.2. Đào tạo, tập huấn

4.3. Thông tin tuyên truyền

4.4. Kiểm tra, giám sát đánh giá

4.5. Đánh giá chung kết quả thực hiện dự án

- Những kết quả, sản phẩm chính của dự án đã đạt được.

- Những tồn tại, nguyên nhân.

- Bài học kinh nghiệm rút ra.

V. HIỆU QUẢ VÀ KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG

5.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

5.2. Khả năng mở rộng của dự án

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí dự án:

2. Tình hình cấp phát kinh phí:

3. Tình hình sử dụng kinh phí:

VII. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

7.1. Kết luận

7.2. Đề nghị

..... ngày... tháng... năm 20...

Chủ nhiệm dự án *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Cơ quan chủ trì dự án** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Cơ quan chủ quản
Cơ quan chủ trì dự án

BÁO CÁO TỔNG KẾT
DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Tên dự án:

Cơ quan chủ quản dự án: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tổ chức chủ trì dự án:

Chủ nhiệm dự án:

Thời gian thực hiện:

..../20...

MỤC LỤC BÁO CÁO

.....

Phần I
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Tổ chức chủ trì:
3. Chủ nhiệm dự án:
4. Địa điểm thực hiện dự án:
5. Thời gian thực hiện dự án:
6. Các đơn vị phối hợp:
7. Danh sách cán bộ tham gia thực hiện dự án:
8. Kinh phí thực hiện.

.....

Phần II
BÁO CÁO TÓM TẮT

(Yêu cầu của báo cáo tóm tắt: ngắn gọn và thông tin đủ để người đọc nắm được những điểm cơ bản của báo cáo; Cần nêu rõ mục đích, phương pháp, kết quả và kết luận đã được trình bày trong báo cáo chính; Các kết quả, hiệu quả chính, nổi bật của dự án.)

1. Sự cần thiết
2. Mục tiêu dự án
2. Tình hình triển khai (thuận lợi, khó khăn)
3. Những kết quả chính đạt được (so sánh với mục tiêu đã đề ra)
4. Khả năng nhân rộng của dự án
5. Tồn tại, nguyên nhân.

.....

Phần III
BÁO CÁO CHI TIẾT

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

(Nêu tính cấp thiết của dự án; tình hình triển khai thực hiện dự án thời gian qua, những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện; những căn cứ pháp lý để thực hiện dự án)

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN

(Nêu mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể theo thuyết minh đã được phê duyệt)

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI

1. Nội dung dự án

(Nêu các nội dung dự án đã thực hiện)

2. Phương pháp triển khai

(Nêu các phương pháp triển khai thực hiện; TBKT, công nghệ áp dụng; phương pháp đánh giá các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, kết quả thực hiện, hiệu quả và tính lan tỏa của dự án)

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Trình bày các kết quả theo từng nội dung dự án, có bảng biểu minh họa, phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu kỹ thuật, mục tiêu đề ra hoặc các kết quả tương tự, điều kiện thực tế tại địa phương để chứng minh sự phù hợp và khả năng tồn tại, lan tỏa của dự án).

1. Xây dựng mô hình

2. Đào tạo, tập huấn

3. Thông tin, tuyên truyền

4. Quản lý dự án

5. Tổng hợp kết quả, sản phẩm dự án

V. HIỆU QUẢ VÀ KHẢ NĂNG MỞ RỘNG CỦA DỰ ÁN

1. Hiệu quả của dự án *(Nêu hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường...)*

(Phân tích bằng số liệu và so sánh)

2. Khả năng mở rộng của dự án

(Phân tích bằng số liệu đối với từng tỉnh về diện tích áp dụng, mở rộng trong thời gian triển khai dự án và triển vọng sau khi dự án kết thúc.

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

(Nêu tình hình, nhận xét đánh giá việc cấp, sử dụng kinh phí và tổng hợp theo từng nội dung của dự án)

Đơn vị tính: 1000 đ

Nội dung chi	Kinh phí theo dự toán	Kinh phí được cấp	Kinh phí đã sử dụng	Kinh phí được QT
1. Xây dựng mô hình				
- Vật tư hỗ trợ				
- Tập huấn đối tượng xây dựng mô hình				
- Hội nghị tổng kết mô hình				
- Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật				
2. Đào tạo, tập huấn				
3. Thông tin, tuyên truyền				
4. Quản lý dự án				
Tổng số				

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Về công tác triển khai thực hiện dự án.

- Về các nội dung và những kết quả chính đạt được (để trả lời cho mục tiêu dự án đã hoàn thành hay chưa)

- Hiệu quả và tác động của dự án đem lại.

2. Kiến nghị

- Kiến nghị đối với cơ quan quản lý (nghiệm thu kết quả dự án);

- Kiến nghị về kỹ thuật (hoàn thiện các TBKT, tiến bộ quản lý rút ra từ triển khai dự án);

- Kiến nghị về cơ chế chính sách (để duy trì, nhân rộng kết quả dự án);

.....ngày..... tháng..... năm.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*
Chủ nhiệm dự án	**Thủ trưởng tổ chức chủ trì**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Họ tên, ký và đóng dấu)*

.....

PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

1. Bảng biểu số liệu theo dõi, đánh giá của dự án
2. Các tài liệu và hình ảnh minh họa kèm theo liên quan đến dự án.

Mẫu 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG NĂM 20....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	**Tên dự án:**
2	**Tổ chức chủ trì:**
3	**Chủ nhiệm dự án:**
4	**Thời gian thực hiện dự án:**
5	**Địa điểm thực hiện dự án:**
6	**Mục tiêu dự án:**
6.1. Mục tiêu tổng quát: ..... ***6.2. Mục tiêu cụ thể:***	
7	**Kinh phí:**
Tổng kinh phí từ nguồn NSNN:..... triệu đồng, trong đó: - Đã cấp qua từng năm: 20...:..... Tr.đ; 20...:..... Tr.đ - Cấp năm kế hoạch:..... Tr.đ	

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 20...

8	**Đặc điểm tình hình** *- Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án* *- Kết quả đã đạt được* *- Điều chỉnh, thay đổi của dự án (nếu có)*

9	**Mục tiêu của dự án năm kế hoạch** .....
10	**Nội dung dự án**
10.1	***Xây dựng mô hình trình diễn:*** .....
10.2	***Đào tạo, tập huấn:*** .....
10.3	***Thông tin tuyên truyền:*** .....
10.4	***Quản lý dự án:*** .....
11	**Kế hoạch triển khai cụ thể**

TT	Tên đơn vị thực hiện	Địa điểm thực hiện	Nội dung	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Ghi chú
I	**Xây dựng MH**						
II	**Đào tạo, tập huấn**						
III	**Thông tin TT**						
IV	**Quản lý dự án**						

III. KẾT QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

13	**Kết quả/sản phẩm của dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt**

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
1					
2					
...					

14	**Tác động và lợi ích mang lại của dự án**

14.1. Đối với sản xuất

(Nêu dự kiến những tác động của dự án đối với sản xuất, người nông dân)

14.2. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu dự kiến những tác động của dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

IV. TỔNG HỢP PHÂN BỔ KINH PHÍ

TT	Tên đơn vị	Tổng KP NS	Kinh phí NSNN cho từng nội dung				Đối ứng
			XDMH	ĐTTH	TTTT	QL	
Tổng số							

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN *Đơn vị: triệu đồng*

TT	**Nguồn kinh phí**	**Tổng số**	**Kinh phí cho từng nội dung**			
			Xây dựng mô hình	**Đào tạo tập huấn**	**Thông tin tuyên truyền**	**Quản lý dự án**
	Tổng kinh phí					
	Trong đó:					
1	Nguồn vốn NSNN					
2	Nguồn vốn đối ứng					
3	Nguồn vốn khác					

(có dự toán chi tiết kèm theo)

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên, chữ ký)

Thủ trưởng
Tổ chức chủ trì dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

MẪU BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG NĂM 20...

I. XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	*Phân ra các nguồn*						Ghi chú
						Kinh phí NSNN		Kinh phí đối ứng		Nguồn khác		
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Giống[1]											
2	Vật tư thiết yếu[1]											
3	Công cán bộ chỉ đạo											
4	Tập huấn											
5	Tổng kết mô hình											
	Tổng cộng											

[1] Căn cứ vào báo giá tại thời điểm lập dự toán hoặc thông báo giá của cơ quan có thẩm quyền

II. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	*Phân ra các nguồn*						Ghi chú
						Kinh phí NSNN		Kinh phí đối ứng		Nguồn khác		
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Thuê Hội trường, trang thiết bị											
2	In ấn tài liệu											
3	Giảng viên hướng dẫn											
	Bồi dưỡng											
	Đi lại											
	Tiền ở											
	...											
4	Học viên											Lưu ý theo đối tượng
	Đi lại											
	Tiền ăn											
	Tiền ở											
	Tài liệu											
5	Nước uống											
6	Văn phòng phẩm											
7	Vật tư thực hành											
8	Chi khác*: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế...*											
	Tổng cộng:											

III. THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	*Phân ra các nguồn*						Ghi chú
						Kinh phí NSNN		Kinh phí đối ứng		Nguồn khác		
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*14*
1	Thông tin											
2	Quảng cáo											
3	Hội thảo đầu bờ											
4	Hội thảo vùng miền											
5	Tuyên truyền (báo đài ...)											
	Tổng cộng											

IV. QUẢN LÝ DỰ ÁN (1.000 đồng):

V. TỔNG CỘNG (I + II + III + IV):

(Số tiền viết bằng chữ:.....)

Chủ nhiệm Dự án	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng Tổ chức chủ trì**
(Họ tên, chữ ký)	*(Họ tên, chữ ký)*	*(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

Ghi chú: *Kèm theo biểu tổng hợp dự toán là các biểu dự toán chi tiết theo địa điểm, địa bàn, mô hình thực hiện với tỷ lệ hỗ trợ của NSNN khác nhau*

Mẫu 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm 20.....

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG

1. Họ và tên thành viên Tổ thẩm định:.....
2. Tên dự án:.....
.....
.....
3. Tổ chức chủ trì dự án:.....
4. Chủ nhiệm dự án:.....
5. Nội dung nhận xét, đánh giá:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thành viên
1	Mức độ hoàn thiện về nội dung của báo cáo và hình thức báo cáo	10	
2	Phương pháp triển khai, tổ chức phối hợp thực hiện và quản lý dự án	15	
	- Phương pháp triển khai dự án	10	
	- Tổ chức phối hợp và quản lý dự án	5	
3	Mức độ thực hiện các nội dung và hoàn thành sản phẩm của dự án	45	
	- Mức độ thực hiện các nội dung dự án	20	
	- Mức độ hoàn thành các sản phẩm dự án (số lượng, chủng loại và chất lượng)	25	
4	Tình hình sử dụng kinh phí	10	
5	Hiệu quả và khả năng nhân rộng kết quả dự án	20	
	- Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án	10	
	- Khả năng nhân rộng kết quả dự án	10	
	Tổng điểm	**100**	

6. Kết luận và kiến nghị của thành viên Tổ thẩm định: Đạt ☐ Không đạt ☐
- Kết luận:.....
- Kiến nghị:.....

Ghi chú: *Dự án được đánh giá "đạt" khi có tổng số điểm đạt 70/100 điểm trở lên, trong đó điểm của mục 3 đạt từ 40 điểm trở lên.*

THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH
(Họ, tên và chữ ký)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng